

Số 19 /QĐ-BVMHY

Hung Yên, ngày 30 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu và giao nhiệm vụ thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 83/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Mắt Hưng Yên thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ quyết định số 1065/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và giao nhiệm vụ thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên (có biểu 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức hành chính- Tài chính kế toán, Phụ trách kế toán và các khoa, phòng thuộc bệnh viện căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo (để chỉ đạo);
- Các khoa/phòng (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCHC-TCKT;

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khá

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN MẮT HƯNG YÊN

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-BVMHY ngày 30/11/2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Bộ phận thực hiện
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
	Lệ phí A		
	Lệ phí B		
3.2	Phí		
	Phí A		
	Phí B		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học		



2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</i>		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	10.081	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.957	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.124	
	Hỗ trợ kinh phí kiểm định, thử nghiệm thiết bị y tế và phương tiện đo	24	Khoa Dược-VTYT-KSNK
	Hỗ trợ đào tạo sau đại học	45	Phòng TCHC- TCKT
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	356	Phòng TCHC- TCKT
	Mua sắm tài sản, trang thiết bị, sửa chữa, lắp đặt phòng họp trực tuyến	699	Phòng TCHC- TCKT

